

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô V Đen.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn V Mười;

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Việt Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần V Thời.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 437/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N – sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thành V – sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2021, đơn yêu cầu ngày 02/11/2021 và các tài liệu trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông V sống chung với nhau từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc sống chung là tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn được bà xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không hòa hợp với nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tự hàn gắn được. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 03 người con chung, gồm: Lê Thị Cà C - sinh năm 1993, Lê Mạnh K – sinh năm 2001 đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét; cháu Lê Bảo T – sinh ngày 21/12/2008; Cháu T hiện đang sống cùng với bà nên yêu cầu giao cháu T cho bà tiếp tục nuôi dưỡng; yêu cầu không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng, bà xin vắng mặt tại phiên xét xử của tòa án.

Tại Biên bản hòa giải ngày 21/11/2021, bị đơn ông Lê Thành V trình bày:

Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà N về hôn nhân, con chung, tài sản, theo đó:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà N về thời gian chung sống. Ông và bà N sống chung năm 1992, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau, ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 03 người con chung, gồm: Lê Thị Cà C - sinh năm 1993, Lê Mạnh K – sinh năm 2001 đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Cháu Lê Bảo T – sinh ngày 21/12/2008; Cháu T hiện đang sống cùng với bà N nên ông đồng ý giao cháu T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng; yêu cầu không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng, ông xin vắng mặt tại phiên xét xử của tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Thành V có nơi cư trú tại ấp Kinh Hội, xã Khánh Bình, huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần V Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V, yêu cầu về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N, ông V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông V theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1992 bà N và ông V sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông V và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Có 03 người con chung, gồm: Cháu Lê Thị Cà C - sinh năm 1993, Lê Mạnh K – sinh năm 2001 đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên

không yêu cầu Tòa án xem xét; Cháu Lê Bảo T – sinh ngày 21/12/2008. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Do cháu Lê Thị Cà C - sinh năm 1993, Lê Mạnh K – sinh năm 2001 đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với cháu Lê Bảo T do hiện cháu đang sống cùng với bà N và ông V không trực tiếp nuôi dưỡng cháu nên cần giao cháu cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện tại; Mặt khác ông V cũng đồng ý việc giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Bảo T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển ổn định vốn có của cháu, điều kiện cụ thể của bà N và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy việc bà N yêu cầu không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà N về việc không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông V trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp liên quan đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; Ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc ly hôn với ông Lê Thành V.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị N và ông Lê Thành V.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Bảo T – sinh năm 2008 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Bà có dự nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004143 ngày 18/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần V Thời, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần V Thời;
- Chi cục THADS H. Trần V Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Văn Đen